**ANH 6 - BÀI TẬP TUẦN (11/4- 18/4)**

**THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH ( THE PRESENT PERFECT TENSE)**

1. **THEORY**

**\*Form (Dạng)**

**(+)** **S + have / has + Vp.p**

Eg: I have known him since I was 10.

**(-) S+have not/has not +Vp.p**

Eg: She hasn’t finished her homework yet.

**(-) (Question word) + have/has + S + Vp.p**

Eg: How long have you lived in Hanoi?

**\* Usage (Cách dùng)**

 - Một hành động đã xảy ra trong quá khứ nhưng không có thời gian xác định.

 Ex: I haven’t met him *before*.

 - Một hành động vừa mới xảy ra, hay hoàn tất.

 Ex: She has *just* gone out.

 - Một hành động xảy ra trong quá khứ , kéo dài đến hiện tại và có thể tiếp tục trong tương lai.

 Ex: My father has worked in this company *for 10 years*.

 - Một hành động bắt đầu trong quá khứ nhưng chấm dứt vào lúc nói.

 Ex: I haven’t seen you for a long time. ( Nhưng bây giờ tôi đã gặp bạn rồi)

 - Một hành động xảy ra hơn một lần trong quá khứ.

 Ex: I have met him three times.

**\* Signals (Dấu hiệu nhận biết)**

 Thường thì khi trong câu có các cụm từ sau ta chia động từ ở thì hiện tại hoàn thành : ***Never, ever, since, for, recently, already, so far, before*** ( trước đây), ***yet,*** …

Cần chú ý for chỉ khoảng thời gian : for 2 days, for 2 years……..

 Since chỉ điểm xuất phát : since Monday, since 2019…….

1. **EXERCISES**

**Viết dạng quá khứ đơn và dạng quá khứ phân từ của các động từ sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Verb** | **Past** | **Past participle** | **Verb** | **Past** | **Past participle** |
| Do |  did |  done | See |  |  |
|  Go |  |  | Meet |  |  |
| Drive |  |  | Have |  |  |
|  Break |  |  | Lose |  |  |
| Eat |  |  | Put |  |  |
| Be |  |  | Spend |  |  |
| Find |  |  | Get |  |  |
| take |  |  | Work |  |  |
|  Watch |  |  | Swim |  |  |
| Come |  |  | Buy |  |  |
| know |  |  |  |  |  |
| write |  |  |  |  |  |

**I. Fill in the gap with *since* or *for* to complete the sentence.**

1. He has watched television ………..three hours.

2. They have been friends………….five months.

3. My family has owned this farm……….1990.

4. I have wanted that book ………..months.

5. I haven’t seen you…………..Christmas.

6. We have been here………January.

7. I haven’t eaten any meat………….over a year.

8. She has worn the same old dress ………..the beginning of the month.

**II. Give the correct form of the verb in the brackets in the present perfect tense.**

1. I (know)……………….him all my life.

2. They (live)…………………..in that house for two years.

3. My brother (write)…………………..three books.

4. She (not break)…………………….her leg.

5. She (break)………………………her arm.

6. I (see)……………………….an elephant several times.

7. She (have)……………………that dress for ten years.

8. We (be)……………………………here for hours!

9. The children (not finish)……………………….their homework yet.

10. You (be)………………………to the zoo?

**III. Give the correct form of verbs.**

1. I (work) .......................... here for three years.
2. ………… You ever …………..(be) to New York?
3. You (not/do) ………….for project yet, I suppose.
4. I just (see)………. Andrew and he says he ……..........already (do)………. about half of the plan.
5. I ………..just (decide)……… to start working next week.
6. He (be)…………. at his computer for seven hours.
7. She (not/have) ……………any fun a long time.
8. My father (not/ play)……….. any sport since last year.
9. I’d better have a shower. I (not/have)………. one since Thursday.
10. I don’t live with my family now and we (not/see)…………. each other for five years.

**IV.** Give the correct form of verbs

1. I (do) ................................... all the housework. The flat is really clean now.

2. He ................................... (write) a novel for two years, but he ................................... (not finish) it yet.

3. My brother (leave) ................................... home 10 years ago. I ................................... (never/ meet) him again since then.

4. I like your car. How long ................................... you ................................... (have) it?

5. What ........................ you ..................... (do) last weekend? ...................... You ........................ (play) golf?

6. Mai ..................... (buy) .................... a new dress last week, but she ................................ (not wear) it yet.

7. Mr. Quang ........................ (teach) math in this school since he .................................. (graduate) from the university in 1989.

8. ......................... You ..................... (hear) of Agatha Christie? …….She (be) ....................... a novel writer?

1. ***Superlatives of adjectives***

|  |
| --- |
| * **S + be + the + adj est + N**
* **(tính từ ngắn)**

*:* Hoa is **the tallest** girl in our class* **S + be + the most + adj + N**

 **-( tính từ dài)***Hoa is* ***the most beautiful*** *girl in our class* |

1. ***Complete the following sentences using comparatives or superlatives***
2. Pho is the (delicious) ……………………. food I’ve ever tasted.
3. Ho Chi Minh City is (busy) …………………….than Ha Noi.
4. Vatican City is the (small) …………………….country in the world.
5. I think Bangkok is (modern) …………………….than Manila.
6. Is Tokyo one of the (expensive) …………………….cities in the world.
7. The population of London is (big) ……………………. than that of Paris.
8. It’s the (good) …………………….service we’ve ever had in New York.
9. The weather in Cairo is (bad) …………………….than that in Berlin.
10. Shanghai is one of the (noisy) …………………….cities in the world.
11. Many people say that Hue is the (historic) …………………….city in Viet Nam.